

TỔ TOÁN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023.

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN: TOÁN – KHỐI 10 (Chương trình chuẩn)

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

a) Phần Đại số và một số yếu tố giải tích (7 điểm)

- Dấu của tam thức bậc hai.
- Giải bất phương trình bậc hai một ẩn
- Phương trình quy về phương trình bậc hai.

b) Phần Hình học (3 điểm):

- Tọa độ của vectơ.
- Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Trắc nghiệm: 5 điểm (10 câu)
- Tự luận: 5 điểm (5 câu)

Duyệt của Ban Giám hiệu

Hiệu phó chuyên môn



Trần Thị Huyền Trang

Nơi nhận:

- + BGH;
- + GV trong tổ;
- + Lưu hồ sơ CM.

Tổ trưởng chuyên môn

A handwritten signature in black ink.

Nguyễn Thị Kim Khương

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút
HÌNH THỨC KIỂM TRA: TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian/điểm	Tỉ lệ %	
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
			Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Ch TL	Phút/Điểm	%	
1	Bất phương trình bậc hai một ẩn	1.1. Dấu tam thức bậc hai	1	1.5/0.5	1	6/1	1	2/0.5					1	9/1					2	2	18.5	70%	
		1.2. giải bất phương trình bậc hai một ẩn	1	1.5/0.5			1	2/0.5			1	3/0.5					1	12/1	3	1	18.5		
		1.3. Phương trình quy về phương trình bậc hai					1	2/0.5	1	7/1									1	1	9		
2	Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	2.1. Tọa độ của vectơ	1	1.5/0.5							1	3/0.5							2	0	4.5	30%	
		2.2. Đường thẳng trong mặt phẳng	1	1.5/0.5	1	6/1	1	2/0.5											2	1	9.5		
Tổng			4	6/2	2	12/2	4	8/2	1	7/1	2	6/1	1	9/1	0	0	1	12/1	10	5	60/10		
Tỉ lệ			40%				30%				20%				10%								100%
Tổng điểm			4				3				2				1								10

Duyệt của Ban Giám hiệu

Hiệu phó chuyên môn



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Kim Khương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: TOÁN – KHỐI 11 (Chương trình chuẩn)

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

a) Giải tích (7 điểm):

- Giới hạn của dãy số.
- Giới hạn của hàm số.
- Hàm số liên tục.

b) Hình học (3 điểm):

- Hai đường thẳng vuông góc.
- Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Trắc nghiệm: 5 điểm (10 câu)
- Tự luận: 5 điểm (5 câu)

Duyệt của Ban Giám hiệu

Hiệu phó chuyên môn



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Kim Khương

Nơi nhận:

- + BGH;
- + GV trong tổ;
- + Lưu hồ sơ CM.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút
HÌNH THỨC KIỂM TRA: TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian/điểm	Tỉ lệ %
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO							
			Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Phút/Điểm	Ch TL	Phút/Điểm	Ch TN	Ch TL	Phút/Điểm	%
1	Giới hạn	1.1. Giới hạn dãy số	1	1.5/0.5	1	6/1	1	2/0.5											2	1	9.5/2	70%
		1.2. Giới hạn hàm số	2	3/1					1	7/1	1	3/0.5					1	12/1	3	2	25/3.5	
		1.3. Hàm số liên tục	1	1.5/0.5			2	4/1										3	0	5.5/1.5		
2	Quan hệ vuông góc trong không gian	2.1. Hai đường thẳng vuông góc					1	2/0.5										1	0	2/0.5	30%	
		2.2. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng			1	6/1					1	3/0.5	1	9/1					1	2		18/2.5

Tổng		4	6/2	2	12/2	4	8/2	1	7/1	2	6/1	1	9/1			1	12/1	10	5	60/10	
Tỉ lệ		40%				30%				20%				10%							100%
Tổng điểm		4				3				2				1							10

Duyệt của Ban Giám hiệu
 Hiệu phó chuyên môn



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn



Nguyễn Thị Kim Khương

TỔ TOÁN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN: TOÁN – KHỐI 12 (Chương trình chuẩn)

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

a) Giải tích (7 điểm):

- Nguyên hàm.
- Tích phân.
- Ứng dụng của tích phân trong hình học.

b) Hình học (3 điểm):

- Hệ tọa độ trong không gian (tọa độ của điểm và của vector; biểu thức tọa độ của các phép toán vector; tích vô hướng; phương trình mặt cầu).
- Phương trình mặt phẳng (vector pháp tuyến của mặt phẳng; phương trình tổng quát của mặt phẳng).

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Trắc nghiệm: 100 % (40 câu)

Duyệt của Ban Giám hiệu

Hiệu phó chuyên môn



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Kim Khương", written over a horizontal line.

Nguyễn Thị Kim Khương

Nơi nhận:

- + BGH;
- + GV trong tổ;
- + Lưu hồ sơ CM.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN TOÁN KHỐI 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút
HÌNH THỨC KIỂM TRA: TRẮC NGHIỆM

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Ch TN	Phút/ Điểm	
			Ch TN	Phút/ Điểm	Ch TN	Phút/ Điểm	Ch TN	Phút/ Điểm	Ch TN	Phút/ Điểm			
1	Nguyên hàm	1.1. Công thức nguyên hàm cơ bản, tính chất	4	4/1	1	1.5/0.25					5	5.5/1.25	70
		1.2. Nguyên hàm đổi biến			1	1.5/0.25	1	1.75/0.25			2	3.25/0.5	
		1.3. Nguyên hàm từng phần			1	1.5/0.25	1	1.75/0.25			2	3.25/0.5	
		1.4. Nguyên hàm của hàm hữu tỉ, nguyên hàm dạng tích thương			1	1.5/0.25	1	1.75/0.25			2	3.25/0.5	
		1.5. Nguyên hàm của hàm hợp, hàm ẩn							1	3/0.25	1	3/0.25	
2	Tích phân	2.1. Định nghĩa, tính chất của tích phân	3	3/0.75							3	3/0.75	
		2.2. Tính giá trị tích phân, tìm cận của tích phân	1	1/0.25	3	4.5/0.75					4	5.5/1	
		2.3. Giải hệ phương trình có chứa tích phân					1	1.75/0.25			1	1.75/0.25	
		2.4. Tính tích phân hàm phân nhánh, tích phân hàm ẩn					1	1.75/0.25	1	3/0.25	2	4.75/0.5	

3	Ứng dụng tích phân	3.1 Công thức tính diện tích hình phẳng, thể tích khối tròn xoay	2	2/0.5						2	2/0.5		
		3.2. Tính diện tích hình phẳng			1	1.5/0.25			1	3/0.25	2		4.5/0.5
		3.3 Tính thể tích khối tròn xoay			1	1.5/0.25	1	1.75/0.25			2		3.25/0.5
4	Tọa độ điểm, véc-tơ	4.1 Tìm tọa độ trung điểm, trọng tâm	1	1/0.25						1	1/0.25	30	
		4.2 Các phép toán véc-tơ	1	1/0.25						1	1/0.25		
		4.3. Tích vô hướng			1	1.5/0.25	1	1.75/0.25			2		3.25/0.5
		4.3 Cực trị tọa độ không gian Oxyz						1	3/0.25	1	3/0.25		
5	Phương trình mặt cầu	5.1 Tìm tâm và bán kính mặt cầu	1	1/0.25	1	1.5/0.25				2	2.5/0.5		
		5.2 Viết phương trình mặt cầu	1	1/0.25						1	1/0.25		
6	Phương trình mặt phẳng	6.1 Xác định véc-tơ pháp tuyến, xác định điểm thuộc mặt cầu	2	2/0.5						2	2/0.5		
		6.2 Viết phương trình mặt phẳng			1	1.5/0.25	1	1.75/0.25			2		3.25/0.5
Tổng			16	16/4	12	18/3	8	14/2	4	12/1	40	60/10	
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung (%)			70			30							

Duyệt của Ban Giám hiệu

Hiệu phó chuyên môn



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Kim Khương